

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: HD-10/Miwon/2021

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân: Chi nhánh công ty TNHH Miwon Việt Nam tại Hải Dương  
Địa chỉ: Lô 10.1 đường số 1, khu công nghiệp Cẩm Điền – Lương Điền, xã Lương  
Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, Việt Nam  
E-mail: [rdmiwon@gmail.com](mailto:rdmiwon@gmail.com)  
Mã số doanh nghiệp: 2600109933-009  
Số giấy chứng nhận sơ sở đủ điều kiện ATTP: 266/2019/NNPTNT-320 cấp ngày  
28/11/2019 tại Hải Dương

**II. Thông tin về sản phẩm**

**1. Tên sản phẩm: HẠT NÊM VUA BẾP**

**2. Thành phần:**

Muối, đường, tinh bột sắn, maltodextrin, đường mạch nha, chất điều vị (INSS621, INSS31, INSS627), tinh bột ngô, bột thịt và bột xương & tủy (0,16%), hương thịt tự nhiên và tổng hợp, màu tự nhiên (INS160a(ii)), chất tạo ngọt tổng hợp (INSS955), bột hành, bột tỏi.

**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:**

- Thời hạn sử dụng: 18 tháng

+ Ngày sản xuất (NSSX): được in trên bao bì của sản phẩm .

+ Hạn sử dụng (HSD): 18 tháng kể từ ngày sản xuất

**4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

- Bao bì: Phù hợp an toàn thực phẩm theo quy định của bộ Y tế

+ Chất liệu bao gói: PET/OPP/AL/PE/LLDPE,

+ Bao bì trung gian và bao bì ngoài: Bao PP hoặc hộp carton

- Quy cách bao gói: 5 g; 8 g; 10 g; 25 ; 50 g; 65 g; 100 g; 150 g; 200 g; 250 g; 300 g;  
350 g; 400 g; 450 g; 500 g; 600 g; 700 g; 800 g; 900 g; 1 kg; 1,5 kg; 2 kg; 2,5 kg; 3 kg;  
3,5 kg; 5 kg; 10 kg; 15 kg; 20 kg; 25 kg; 30 kg; 50 kg.

**5. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:**

\* Hướng dẫn sử dụng:

Món canh: 2~3 muỗng (thìa) nhỏ cho 1 lít nước

Món kho: 2 muỗng (thìa) nhỏ cho 500 g thịt, cá



Món xào: 2 muỗng (thìa) nhỏ cho 600 g rau củ

Ướt: 1 muỗng (thìa) nhỏ cho 500 g thịt, cá  
(1 muỗng (thìa) nhỏ = 3~4 g)

\* Đối tượng sử dụng: Tất cả các đối tượng khách hàng

\* Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, tránh ánh nắng trực tiếp. Đóng kín gói trong quá trình sử dụng

6. Thông tin, cảnh báo: Không sử dụng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm

7. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

**Sản phẩm của: CÔNG TY TNHH MIWON VIỆT NAM**

Địa chỉ: Phố Sông Thao, phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

**Sản xuất tại:** Chi nhánh công ty TNHH Miwon Việt Nam tại Hải Dương

Địa chỉ: Lô 10.1 đường số 1, khu công nghiệp Cẩm Điền – Lương Điền, xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

### III Mẫu nhãn sản phẩm

Có mẫu nhãn sản phẩm kèm theo

### IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

#### 1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Dạng hạt, kích thước đặc trưng của sản phẩm
- Màu sắc: Màu đặc trưng của sản phẩm
- Mùi vị: Mùi thơm đặc trưng của sản phẩm, không có mùi vị lạ

#### 2. Các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu (là yêu cầu kỹ thuật của nhà sản xuất):

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Năng lượng	kcal/100g	124,8 ~ 187,2
2	Carbohydrate	g/100g	28,6 ~ 42,9
3	Protein	g/100g	2,4 ~ 3,6
4	Lipid	g/100g	< 1
5	Hàm lượng đường tổng	g/100g	13,3 ~ 19,9
6	Tro không tan trong HCl 10%	%	< 0,1
7	Độ ẩm	%	< 3
8	Hàm lượng muối (NaCl)	%	48 ~ 72

**3. Các chỉ tiêu vi sinh vật:** (Theo quyết định số 46/2007/QĐ-BYT: quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm)

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	CFU/g	$10^4$
2	Coliforms	CFU/g	$10^2$
3	Escherichia coli	MPN/g	3
4	S. aureus	CFU/g	$10^2$
5	Salmonella	/25g	0
6	Tổng số bào tử nấm men – nấm mốc	CFU/g	$10^2$

**4. Hàm lượng kim loại nặng:** (Theo QCVN 8-2:2011/BYT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm)

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Asen (As)	mg/kg	5,0
2	Chì (Pb)	mg/kg	2
3	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05
4	Cadimi (Cd)	mg/kg	1,0

**5. Hàm lượng độc tố vi nấm:** (Theo QCVN 8-1:2011/BYT: quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm)

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	10
2	Aflatoxin B1	µg/kg	5
3	Ochratoxin A	µg/kg	30

**\* Hàm lượng các chất phụ gia nằm trong giới hạn cho phép (Theo thông tư 24/2019/TT-BYT)**

**Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.**

Hải Dương, ngày 20 tháng 05 năm 2021

**CN Công ty TNHH Miwon Việt Nam tại Hải Dương**



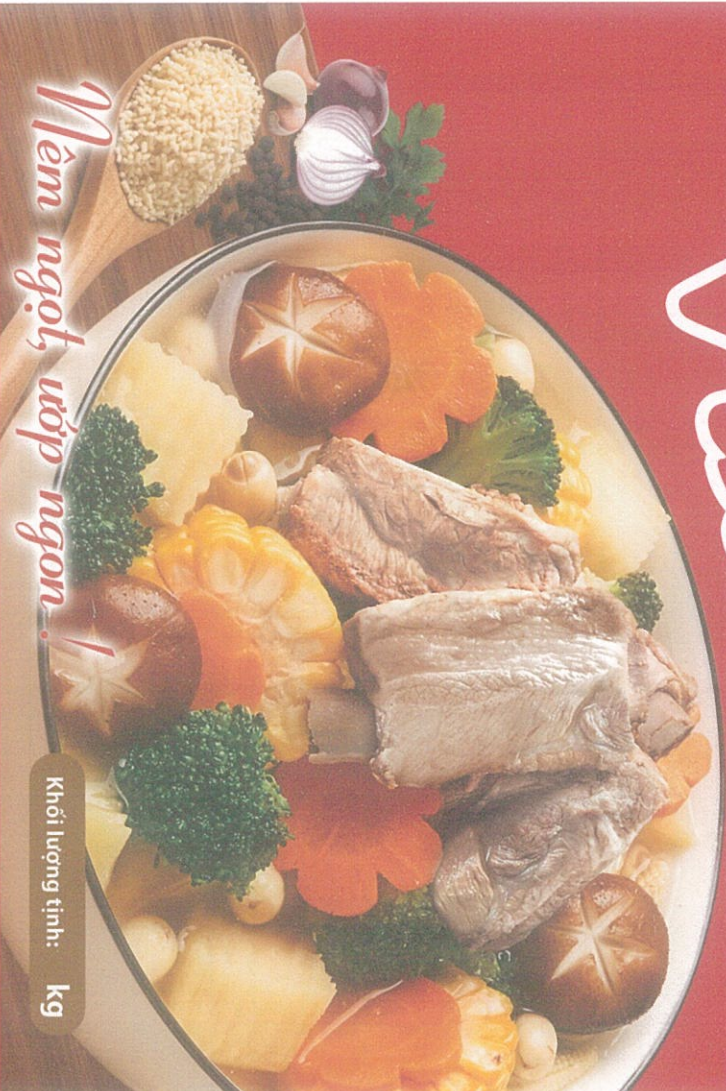
**GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH  
SHIN SANGHO**





Miwon

# Hạt Nêm Vua Bắp



**HƯƠNG DAN SÚ DÙNG:**

Món canh: 2-3 muỗng (thìa) nhỏ cho 1 lít nước.  
Món kho: 2 muỗng (thìa) nhỏ cho 500 g thịt cá.  
Món xào: 2 muỗng (thìa) nhỏ cho 600 g rau củ.  
Ướp: 1 muỗng (thìa) nhỏ cho 500 g thịt cá.  
\* (1 muỗng (thìa) nhỏ = 3-4 g)

**HƯƠNG DAN BẢO QUẢN:**

Bao quản nơi khô ráo, tránh ánh nắng trực tiếp.  
Đóng kín gói trong quá trình sử dụng.

Số tự công bố: HD-10/Miwon/2021

HSD: 18 tháng kể từ NSX

NSX:

**THÀNH PHẦN:**

Mùi, đường, tinh bột sắn, maltodextrin, đường mạch nha, chất điều vị (INS621, INS631, INS627), tinh bột ngô, bột thịt và bột xương & tủy (0,16%), hương thịt tự nhiên và tổng hợp, màu tự nhiên (INS160a(i)), chất tạo ngọt tổng hợp (INS955), bột hành, bột tỏi.

**THÔNG TIN CẢNH BÁO:**

Không sử dụng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm.

Giá trị dinh dưỡng trên 100 g

Năng lượng (kcal)	Carbohydrate (g)	Protein (g)	Lipid (g)
124,8 - 187,2	28,6 - 42,9	2,4 - 3,6	< 1

Sản phẩm của  
**CÔNG TY TNHH MIWON VIỆT NAM**  
Phố Song Thọ, phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.  
Sản xuất tại:  
**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MIWON VIỆT NAM TẠI HÀ NỘI**  
Lô 10.1 đường số 1, Khu công nghiệp Cam Đan - Lương Định, xã Lương Định, huyện Cẩm Giang, tỉnh Hà Dương, Việt Nam.

TƯ VẤN KHÁCH HÀNG (024) 3768 0563

